

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC- LÊNIN

ĐỀ TÀI Sức lao động, tác động của đại dịch Covid 19 đến thị trường lao động Việt Nam và giải pháp phát triển thị trường lao động sau đại dịch.

Giảng viên hướng dẫn : PHẠM THANH HIỀN

Sinh viên thực hiện : ĐÀO THÚY HÒA

Lớp : K23 ATCC

Mã sinh viên : 23A7510047

Hà nội, ngày 13 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

Lời mở đầu.....	1
-----------------	---

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1:

1.1. Khái niệm.....	2
1.2. Hàng hóa sức lao động.....	2
1.2.1 Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa.....	2
1.2.2 Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động.....	3
1.2.2.1 Giá trị hàng hóa sức lao động.....	3
1.2.2.2 Giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động.....	4

CHƯƠNG 2:

2.1. Tác động của đại dịch Covid 19 đến thị trường lao động Việt Nam.....	5
2.1.1. Thị trường lao động Việt Nam trước đại dịch Covid 19.....	5
2.1.2. Tác động của Covid 19 lên thị trường lao động.....	7
2.1.2.1. Tác động đến lực lượng lao động.....	8
2.1.2.2. Tác động đến lao động có việc làm.....	10
2.1.2.3. Tác động đến thất nghiệp và thiếu việc làm.....	12
2.1.2.3.1. Lao động thiếu việc làm.....	12
2.1.2.3.2. Lao động thất nghiệp.....	14

CHƯƠNG 3:

3. Giải pháp phát triển thị trường lao động sau đại dịch Covid 19.....	15
KẾT LUẬN	17

LỜI MỞ ĐẦU

Thông báo khẩn về việc đóng cửa các khu công nghiệp ở Bắc Ninh, Bắc Giang, thông báo về giãn cách xã hội, thông báo về số ca dương tính Covid 19 tăng nhanh một cách chóng mặt, còn cả những thông báo về ca bệnh tử vong do Covid 19 mà không mắc bệnh nền đều khiến mỗi người chúng ta không khỏi giật mình. Không biết bao người dân vô tội đã vô tình trở thành nạn nhân của chúng. Nó khiến con người ngại tiếp xúc nhau vì phải giãn cách để an toàn. Không những vậy nó còn làm ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế của mỗi quốc gia. Mọi hoạt động dường như ngừng trệ và nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của con người. Giá cả thị trường, hàng hóa tăng vọt. Tỷ lệ người thất nghiệp tăng nhanh và số người trở nên nghèo đói cũng không hề nhỏ. Việt Nam – Một đất nước kiên cường anh dũng, cũng không ngoại lệ. Hơn một năm kể từ khi đại dịch Covid 19 hoành hành, Việt Nam đã phải chịu thiệt hại không hề nhỏ cả về vật chất lẫn tinh thần. Gần đây và cụ thể hơn khi tâm dịch bùng lên ở Bắc Ninh, Bắc Giang- nơi tập trung nhiều KCN và người lao động nhất cả nước. Mọi hoạt động đã phải ngừng lại để chống dịch, KCN đóng cửa, người lao động phụ thuộc vào các KCN sẽ sống như thế nào? Thực hiện giãn cách xã hội, nông dân không có chỗ tiêu thụ nông sản, thương lái ép giá, vốn bỏ ra không hoàn lại được, những số nợ sẽ tiếp tục tăng lên. Rồi nông dân họ sẽ sống sao,.... Thực sự Covid 19 đã trở thành thảm họa đè nặng lên người lao động. Từ những dẫn chứng trên em xin chọn đề tài “ Sức lao động, tác động của đại dịch Covid 19 đến thị trường lao động Việt Nam, giải pháp để phát triển thị trường lao động ở Việt Nam sau khủng hoảng đại dịch Covid 19” để làm sáng tỏ hơn về vấn đề này.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

1.1. Khái niệm

Sức lao động là một khái niệm trọng yếu trong kinh tế chính trị Mác-xít. Mác định nghĩa sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất, trí tuệ và tinh thần tồn tại trong một cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị thặng dư nào đó. Sức lao động là khả năng lao động của con người, là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình sản xuất và là lực lượng sản xuất sáng tạo chủ yếu của xã hội.

1.2. Hàng hóa sức lao động:

1.2.1. Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

Trong bất cứ xã hội nào, sức lao động cũng là điều kiện cơ bản của sản xuất. Nhưng không phải trong bất kỳ điều kiện nào, sức lao động cũng là hàng hoá. Sức lao động chỉ có thể trở thành hàng hoá trong những điều kiện lịch sử nhất định sau:

Thứ nhất, người lao động là người tự do về thân thể của mình, có khả năng chi phối sức lao động, do đó có quyền bán sức lao động như một loại hàng hóa.

Thứ hai, người lao động bị tước đoạt hết mọi tư liệu sản xuất, cho nên họ phải bán sức lao động của mình.

Con đường tạo ra hai điều kiện trên:

+ Sự phân hóa những người sản xuất hàng hóa nhỏ dưới tác động của các quy luật kinh tế khách quan, trước hết là quy luật giá trị.

Sự phân hóa trên diễn ra chậm chạp. Trong thực tế ở Tây Âu thế kỉ XVI-XVII, hai điều kiện trên được tạo ra nhanh chóng bằng con đường thứ hai:

+ Sự tích lũy nguyên thủy của tư bản: giai cấp thống trị sử dụng bạo lực tước đoạt tư liệu sản xuất của những người sản xuất nhỏ (chủ yếu là nông dân), biến họ thành những người làm thuê (bán sức lao động)

Như vậy, sức lao động trở thành hàng hóa một cách phổ biến khi nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ra đời, với đầy đủ hai điều kiện cần và đủ như trên. Cho nên cũng như một số phạm trù kinh tế khác, hàng hóa sức lao động là một phạm trù lịch sử.

1.2.2. Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động

Khi sức lao động thành hàng hóa nó cũng có hai thuộc tính như hàng hóa thông thường: giá trị và giá trị sử dụng.

1.2.2.1. Giá trị hàng hóa sức lao động

Giá trị của hàng hóa sức lao động, cũng do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất hàng hóa sức lao động quyết định. Nhưng sức lao động chỉ tồn tại như năng lực sống của con người. Muốn tái sản xuất ra năng lực đó, người công nhân phải tiêu thụ một lượng tư liệu sinh hoạt nhất định về ăn, mặc, ở, học nghề... Ngoài ra người lao động còn phải thỏa mãn những nhu cầu của gia đình và con cái họ. Vì vậy, thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất hàng hóa sức lao động sẽ được quy thành thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt ấy, hay nói cách khác, giá trị của hàng hóa sức lao động được đo gián tiếp thông qua giá trị của những tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động.

Hàng hóa sức lao động là hàng hóa đặc biệt, giá trị của nó bao hàm cả yếu tố tinh thần và lịch sử. Lượng giá trị hàng hóa sức lao động được hợp thành từ những bộ phận :

Một là, giá trị những tư liệu sinh hoạt về vật chất và tinh thần cần thiết để tái tạo sức lao động, duy trì đời sống của bản thân người công nhân.

Hai là, phí tổn đào tạo người công nhân.

Ba là, giá trị những tư liệu sinh hoạt vật chất và tinh thần cần thiết cho con cái người công nhân.

+ Là hàng hóa đặc biệt nên nên giá trị hàng hóa sức lao động còn bao hàm cả yếu tố tinh thần và lịch sử.

Yếu tố tinh thần: trong các tư liệu sinh hoạt cần thiết cho người lao động và vợ con anh ta, có bộ phận nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của họ (sách báo, phim ảnh,..)

Yếu tố lịch sử: những nhu cầu vật chất và tinh thần trên phụ thuộc vào điều kiện địa lý, xã hội cũng như trình độ văn minh của mỗi nước và mỗi thời kì lịch sử.

Để biết sự biến đổi của giá trị hàng hóa sức lao động trong một thời kì nhất định cần nghiên cứu hai loại nhân tố tác động, đối lập nhau đến sự biến đổi giá trị sức lao động. Một mặt là sự tăng nhu cầu trung bình xã hội về dịch vụ và hàng hóa, về học tập và trình độ nghề, do đó làm tăng giá trị sức lao động. Mặt khác, là sự tăng năng suất lao động xã hội, nên đã làm giảm giá trị sức lao động. Trong điều kiện tư bản hiện đại của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật và những điều kiện khác, sự khác biệt của công nhân về trình độ, về sự phức tạp của lao động và mức độ sử dụng năng lực trí óc và tinh thần của họ tăng lên. Tất cả những điều kiện đó không thể không ảnh hưởng đến giá trị sức lao động. Không thể không dẫn đến sự khác biệt theo ngành và theo lĩnh vực của nền kinh tế bị che lấp đằng sau đại lượng trung bình của giá trị sức lao động

1.2.2.2. Giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động

Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động là công dụng của nó làm thỏa mãn nhu cầu sản xuất kinh doanh của nhà tư bản. Giá trị sử dụng được thể hiện trong quá trình tiêu dùng sức lao động, tức là quá trình lao động của người công nhân.

Tính chất đặc biệt của hàng hóa sức lao động được thể hiện ở:

Quá trình này khác với hàng hóa thông thường ở chỗ, đó là, trong quá trình sử dụng hay tiêu dùng hàng hóa thông thường, thì cả giá trị và giá trị sử dụng của nó sẽ giảm dần và tiêu biến mất dần theo thời gian. Trong khi, quá trình tiêu dùng hàng hóa sức lao động lại là quá trình sản xuất ra một loại hàng hóa nào đó, sáng tạo ra lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản

thân sức lao động. Phần lớn hơn chính là giá trị thặng dư. Như vậy hàng hóa sức lao động có thuộc tính là nguồn gốc sinh ra giá trị. Đó là đặc điểm cơ bản nhất của giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động so với hàng hóa khác. Nó là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn của công thức chung của tư bản.

Từ quá trình tiêu dùng sức lao động, tạo ra một lượng giá trị hàng hóa dôi ra so với giá trị sức lao động, đó là giá trị thặng dư mà nhà tư bản sẽ chiếm đoạt. Như vậy, giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động có tính chất đặc biệt, nó là nguồn gốc sinh ra giá trị, tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó. Đó chính là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn của công thức chung của tư bản. Chính đặc điểm này đã làm cho sự xuất hiện của hàng hóa sức lao động trở thành điều kiện để tiền tệ chuyên hóa thành tư bản.

CHƯƠNG 2

2.1. Tác động của đại dịch Covid 19 đến thị trường lao động Việt Nam

Thị trường lao động là một trong những loại thị trường cơ bản và có một vị trí đặc biệt trong hệ thống các thị trường của nền kinh tế. Quá trình hình thành và phát triển cũng như sự vận động của thị trường lao động có những đặc điểm hết sức riêng biệt. Thị trường lao động của như các loại thị trường khác tuân thủ theo những quy luật thị trường như quy luật cung cầu, quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh.

2.1.1. Thị trường lao động Việt Nam trước đại dịch Covid 19

Trước đại dịch Covid-19, theo kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019, gần 88% dân số trong độ tuổi từ 25-59 tham gia lực lượng lao động; trong đó tỷ trọng dân số tham gia lực lượng lao động cao nhất ở nhóm tuổi 25-29 (14,3%) và giảm nhẹ ở nhóm 30-34 (14,2%). Dân số ở nhóm tuổi trẻ (nhóm 15-19 tuổi và nhóm 20-24 tuổi) và nhóm tuổi già (từ 60 tuổi trở lên) đều chiếm tỷ trọng tham gia lực lượng lao động thấp (dưới 10%). Lực lượng lao động đã tốt nghiệp THPT trở lên chiếm 39,1%, tăng 13,5 điểm phần trăm so với năm 2009; đã được đào tạo có bằng, chứng chỉ (từ sơ cấp trở lên) chiếm 23,1% (ở khu vực thành thị cao gấp 2,5 lần khu

vực nông thôn, tương ứng 39,3 % và 13,6%.

Tỷ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ cao nhất ở vùng Đồng bằng sông Hồng (31,8%) và Đông Nam Bộ (27,5%); thấp nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long (13,6%). Tỷ lệ thất nghiệp của dân số từ 15 tuổi trở lên ở mức thấp 2,05%. Ở khu vực nông thôn tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn gần 2 lần so với khu vực thành thị (1,64% và 2,93%). Đa số người thất nghiệp có độ tuổi từ 15-54 (chiếm 91,7% người thất nghiệp), trong đó, lao động có độ tuổi từ 15-24 có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất chiếm 44,4% tổng số lao động thất nghiệp của cả nước.

Qua số liệu thống kê, tỷ trọng việc làm theo ngành đã có sự dịch chuyển tích cực trong giai đoạn 2009 - 2019. Trong đó, tỷ trọng lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm (53,9% năm 2009, 46,3% năm 2014 và 35,3% vào năm 2019) còn tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ lại có xu hướng tăng, nhất là số lao động ở khu vực dịch vụ cao hơn số lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Với xu hướng dịch chuyển như vậy thì tỷ lệ lao động làm việc tại khu vực dịch vụ và công nghiệp sẽ sớm đạt được ngưỡng 70% như mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 23/NQ-TW ngày 23/3/2018 của bộ chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhóm nghề lao động giản đơn thu hút nhiều nhân lực nhất trong nền kinh tế với tỷ lệ 33,2% đã giảm mạnh so với 10 năm trước đây, trong khi đó, các nhóm nghề thu hút được nhiều số lao động tham gia như “dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng” (18,3%), “thợ thủ công và các thợ khác có liên quan” (14,5%) và “thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị” (13,2%) trong tổng số lao động đang làm việc.

Tính đến 1/4/2019, Việt Nam có 96.208.984 người, trong đó có gần 88% dân số tham gia lực lượng lao động trong độ tuổi từ 25-59, thì về chất lượng lao động còn rất nhiều tồn tại. Ngân hàng Thế giới khi tiến hành đánh giá thị trường lao động Việt Nam đã chỉ ra rằng chất lượng nguồn nhân lực Việt

Nam đang ở mức thấp trong bậc thang năng lực quốc tế, thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Nhất là hiện nay, lao động Việt Nam còn thiếu và yếu về ngoại ngữ cũng như các kỹ năng mềm để có thể thích ứng khi làm việc theo nhóm, tác phong làm việc thiếu chuyên nghiệp và trách nhiệm (trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp) đồng thời kỷ luật lao động kém. Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật chỉ có 11,39 triệu lao động (trong tổng số lực lượng lao động là 54,56 triệu người) qua đào tạo có bằng/chứng chỉ (bao gồm các trình độ sơ cấp nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học), chiếm 20,92% tổng lực lượng lao động. Sau 10 năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng mạnh nhưng vẫn còn 76,9% người tham gia lực lượng lao động chưa được đào tạo chuyên môn.

Tương quan về số lượng lao động có trình độ đại học trở lên với các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nghề là 1 - 0,35-0,56 - 0,38. Điều này cho thấy đây là cảnh báo về sự thiếu hụt kỹ sư thực hành và công nhân kỹ thuật bậc cao trong bối cảnh Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong khi đó, cơ cấu lao động có chuyên môn kỹ thuật vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường nên dẫn đến hiện tượng là nhiều lao động có chuyên môn kỹ thuật làm việc không đúng trình độ hoặc làm các công việc giản đơn (không liên quan đến ngành nghề được đào tạo) hoặc bị thất nghiệp trong thời gian vừa qua.

2.1.2. Tác động của Covid 19 lên thị trường lao động

Đại dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam từ tháng 1 năm 2020 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình lao động và việc làm trong các ngành và tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, ảnh hưởng rõ rệt nhất vào quý II năm 2020 khi tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều ca lây nhiễm trong cộng đồng xuất hiện và đặc biệt là việc áp dụng các quy định về giãn cách xã hội được thực hiện triệt để trong tháng 4 năm 2020. Tính đến tháng 6 năm 2020, cả nước có 30,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch, bao gồm những người bị mất việc làm,

phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập,... Ảnh hưởng do giảm thu nhập chiếm tỷ trọng cao nhất với 57,3% tổng số người bị ảnh hưởng (tương ứng 17,6 triệu người). Có tới 68,9% người lao động bị giảm thu nhập (ở mức nhẹ), số người bị giảm giờ làm/nghỉ giãn cách/nghỉ luân phiên chiếm tới 40% người tham gia lao động, và số người buộc phải tạm nghỉ hoặc tạm ngừng sản xuất kinh doanh chiếm tới 14%. Lao động nữ là nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề hơn so với lao động nam trong bối cảnh dịch Covid 19. Trong các khu vực kinh tế thì khu vực dịch vụ là chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19 với 68,9% số lao động trong khu vực này bị ảnh hưởng. Ngoài ra trong các khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng bị ảnh hưởng với 66,4% và 27%.

Tình hình lao động, việc làm cả nước trong quý III/2020 có dấu hiệu phục hồi, thu nhập của người làm công hưởng lương dần được cải thiện. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của khu vực thành thị quý III đã giảm so với quý II. Mặc dù dịch bệnh, nhưng GDP trong 9 tháng năm 2020 tăng 2,12% (trong đó: quý I tăng 3,68%, quý II tăng 0,39% và quý III tăng 2.62%). Đây là mức tăng thấp nhất của 9 tháng của các năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến rất phức tạp và có ảnh hưởng không tốt tới mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội, nhưng do các chính sách và các biện pháp mạnh, Việt Nam đã kiểm soát được, giúp cho công việc khôi phục kinh tế được thuận lợi. Cùng với sự đồng lòng quyết tâm của Đảng, Chính phủ và mọi người dân cũng như cộng đồng doanh nghiệp đã từng bước thực hiện có hiệu quả mục tiêu “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, có đến 1,84% của khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đóng góp vào mức tăng trưởng chung 13,62%, trong khi công nghiệp và xây dựng là 3,08%, đóng góp 58,35%, dịch vụ đóng góp là 28,03% (tăng 1,37%).

2.1.2.1. Tác động đến lực lượng lao động

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu. Dựa theo số liệu của Tổng cục thống kê, trong 9 tháng, khu vực dịch vụ đạt mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm 2011-2020. Dịch vụ kho bãi giảm 4% (giảm 0,14 điểm phần trăm), dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 17,03% (giảm 0,76 điểm phần trăm). Có thể nói, Covid - 19 đã ảnh hưởng, tác động nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, các hoạt động sản xuất bị đình trệ, kinh doanh, dịch vụ; dẫn đến nhiều doanh nghiệp phá sản, giải thể, tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô... điều này ảnh hưởng trực tiếp tình hình lao động và việc làm.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I, II và quý III năm 2020 đều có sự thay đổi do tác động của dịch Covid-19. Lực lượng lao động quý II năm 2020 là 53,1 triệu người, giảm 2,2 triệu người so với quý trước (quý I năm 2020, 55,3 triệu, tỉ lệ tham gia lao động là 75,4%) và giảm 2,4 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động giảm sau từ trước đến nay trong năm này. Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động quý II năm 2020 là 46,8 triệu người, giảm 2,1 triệu người so với quý trước (quý I năm 2020 là 48,9 triệu) và giảm 2,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước, trong đó số lao động nữ trong độ tuổi lao động chiếm 44,7% lực lượng lao động trong độ tuổi của cả nước (20,93 triệu). Số liệu về lực lượng lao động của quý II năm 2020 cho thấy, ước tính tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đạt 72,3%, giảm 3,1% so với tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của quý I (75,4%) và 4,1% cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động nam tham gia lực lượng lao động cao hơn tỷ lệ lao động nữ tham gia lực lượng lao động là 11,7 điểm phần trăm (78,3% và 66,6%). Đối với nhóm ngoài độ tuổi lao động, trong khi lực lượng lao động nữ đã giảm so với quý trước (1,8%) và cùng kỳ năm trước (4,9%) trong khi đó thì lực lượng lao động nam tăng nhẹ so với quý trước (0,8%) và cùng kỳ năm trước (1,4%). Như vậy, đối với cả nhóm lực lượng lao động trong độ tuổi và ngoài độ tuổi, lực lượng lao động nữ luôn là nhóm

chịu ảnh hưởng nặng nề hơn so với lực lượng lao động nam trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động sâu rộng tới thị trường lao động tại Việt Nam.

Quý III năm 2020, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động của Việt Nam có 48,6 triệu người, tăng 1,8 triệu người so với quý trước và giảm 638,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Khu vực thành thị có 16,5 triệu người (34,1%). Trong khi đó thì số lượng lao động nữ trong độ tuổi lao động ở Việt Nam chiếm 45,5% tổng số lực lượng lao động của cả nước (tương đương 22,1 triệu người). Đến hết tháng 9 năm 2020, Việt Nam có 54,4 triệu người trong lực lượng lao động có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên (giảm 1,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước, giảm chủ yếu ở khu vực nông thôn). Trong giai đoạn 2016-2019, mỗi năm trung bình lực lượng lao động trong 9 tháng đầu năm đều tăng 1%, và theo thông lệ thì đến hết tháng 9 năm 2020 thì lực lượng lao động phải có thêm 1,8 triệu lao động nhưng trên thực tế lại giảm 1,2 triệu lao động. Điều này cho thấy rằng dịch Covid-19 có thể đã tước đi cơ hội tham gia thị trường lao động của 1,8 triệu người. Đến hết quý III năm 2020, dịch bệnh đã trong tầm kiểm soát, do đó lực lượng lao động đã phục hồi nhanh ở khu vực nông thôn và lao động nữ. Lực lượng lao động tại khu vực nông thôn tăng 3,0% (so với quý trước); lực lượng lao động nữ tăng 4,1%, cao hơn 2,6 điểm phần trăm so với mức tăng của lực lượng lao động nam. Mặc dù kết quả là tăng nhưng lực lượng lao động ở khu vực nông thôn và lao động nữ vẫn giảm so với quý I năm 2020 và cùng kỳ năm trước. Vì vậy, đây vẫn là những nhóm chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất bởi tác động của dịch Covid-19 với mức giảm của lực lượng lao động thuộc hai nhóm này so với cùng kỳ năm trước lần lượt là 3,2% và 2,3%.

2.1.2.2. Tác động đến lao động có việc làm

Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu trong những tháng đầu năm 2020. Trong đó, khu vực dịch vụ trong 9 tháng đạt mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm 2011-2020. Trong khu vực dịch vụ, một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng

lớn, đóng góp vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm (tháng 9/2020): Bán buôn và bán lẻ tăng 4,98% so với cùng kỳ năm trước (0,54 điểm phần trăm); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,68% (0,4 điểm phần trăm); ngành vận tải, kho bãi giảm 4% (giảm 0,14 điểm phần trăm); ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 17,03% (giảm 0,76 điểm phần trăm).

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng năm 2020 tăng thấp so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dịch Covid-19 và dịch tả lợn châu Phi. Khu vực công nghiệp tăng 2,69% so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ các năm 2011-2016, trong khi ngành xây dựng tăng 5,02%, cao hơn mức giảm 0,01% và tăng 2,78% của 9 tháng năm 2011 và năm 2012 giai đoạn 2011-2020.

Trong tháng 9/2020, cả nước có 53,1 triệu người lao động có việc làm từ 15 tuổi trở lên, giảm 1,3 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lao động có việc làm giảm mạnh ở khu vực nông thôn (giảm 1,2 triệu người): giảm 608,6 nghìn lao động nam và giảm 734,1 nghìn người lao động nữ.

Tính đến hết 9 tháng năm 2020, số lao động làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (từ 15 tuổi trở lên) bị giảm 6,5% (có 17,5 triệu người) so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là, tăng 0,3% (16,4 triệu người) so với cùng kỳ năm trước. Số lao động tăng chủ yếu trong ngành xây dựng có số lao động phi chính thức tăng 4,6% và số lao động chính thức giảm 9,3%. Số lao động trong khu vực dịch vụ cũng giảm 1% so với cùng kỳ năm trước (19,2 triệu người). Bên cạnh đó, việc chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sang khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có xu hướng tiếp tục diễn ra. Tỷ trọng lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 34,4% xuống 33%, trong khi đó tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 30% lên 30,8%. Tỷ trọng lao động khu vực dịch vụ tăng từ 35,6% lên 36,2%.

Tính đến tháng 9 năm 2020, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến người lao động đang làm việc trong hầu hết các ngành, trong đó một số ngành có tỷ lệ

lao động bị ảnh hưởng lớn như: ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí (88,6%), dịch vụ lưu trú và ăn uống (81,7%), vận tải kho bãi (79,7%), hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (72,7%), công nghiệp chế biến chế tạo (70,1%), bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô và xe máy (68,5%), giáo dục đào tạo (68,5%), hoạt động kinh doanh bất động sản (67,8%).

Điều này cho thấy đại dịch Covid -19 đã làm cho đa số người lao động, trong số lao động có việc làm đã bị mất việc phải tạm thời rời khỏi thị trường lao động trong thời gian dịch bệnh lây lan, đặc biệt là trong tháng 4 năm 2020 khi các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng nghiêm túc và triệt để. Lực lượng lao động tăng trở lại sau khi ghi nhận mức giảm sâu kỷ lục vào quý II năm 2020 nhưng vẫn chưa thể khôi phục về trạng thái của cùng kỳ năm trước sau khi ghi nhận mức giảm sâu kỷ lục vào quý II năm 2020, thị trường lao động đang có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên vẫn chưa thể khôi phục về trạng thái của cùng kỳ năm trước. Một số ngành có số lao động giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước như ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (giảm 324,6 nghìn người); ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống (giảm 156,9 nghìn người); ngành giáo dục và đào tạo (giảm 122,7 nghìn người); ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy (giảm 120 nghìn người).

2.1.2.3. Tác động đến thất nghiệp và thiếu việc làm

2.1.2.3.1. Lao động thiếu việc làm

Số lao động thiếu việc làm trong độ tuổi lao động của quý III năm 2020 là 1,3 triệu người. Mặc dù có giảm trong quý III (81,4 nghìn người) nhưng vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm trước (560,4 nghìn người) với tỉ lệ là 2,79% (giảm 0,29 điểm phần trăm so với cùng kỳ quý trước và tăng 1,21 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước). Tỷ lệ này ở khu vực nông thôn là 3,2% (của lao động trong độ tuổi), cao hơn tỷ lệ này ở khu vực thành thị 1,99 điểm phần trăm.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê có đến gần 1/2 số lao động thiếu việc làm quý III năm 2020 (trong độ tuổi lao động) hiện đang làm việc trong khu

vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 49,3%, giảm 26,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 25,9%, tăng 17,6 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chiếm 24,8%, tăng 8,5 điểm phần trăm. Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4,8%, cao gấp 2,2 lần so với khu vực công nghiệp và xây dựng và cao hơn 2,6 lần so với khu vực dịch vụ. Như vậy, tình trạng thiếu việc làm hiện nay không chỉ tập trung ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản mà đang tăng lên ở cả khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Tỷ lệ thiếu việc làm càng thấp đối với lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong độ tuổi quý III/2020 là 3,20%; sơ cấp là 2,54%; trung cấp là 1,71%; cao đẳng là 1,59%; đại học trở lên là 1,15%.

Dựa theo số liệu Tổng cục thống kê đưa ra, quý III năm 2020, lao động phi chính thức có việc làm là 20,7 triệu người, tăng 1,2 triệu người so với quý trước và tăng 149 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. So với quý trước, tốc độ tăng lao động có việc làm phi chính thức cao hơn so với tốc độ tăng của lao động có việc làm chính thức (tương ứng là 5,8% và 0,8%). Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức quý III năm 2020 là 57,0%, tăng 1,2 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ở khu vực nông thôn 62,9% và khu vực đô thị 49,5% (hơn 13,4 điểm phần trăm). Như vậy, mặc dù bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong khi số lao động thiếu việc làm trong khu vực lao động chính thức bị ảnh hưởng và bị giảm so với cùng kỳ năm ngoái thì lao động ở khu vực phi chính thức lại không bị ảnh hưởng mà có xu hướng tìm được việc làm nhiều hơn so với lao động của khu vực chính thức. Như vậy, sự phục hồi của thị trường lao động hiện nay (thời điểm quý III năm 2020) có tín hiệu tích cực nhưng còn thiếu tính bền vững do lao động

phi chính thức được coi là bộ phận lao động phải đối mặt với nhiều thiệt thòi và bất lợi, khó tiếp cận với các chế độ phúc lợi và bảo hiểm xã hội.

2.1.2.3.2. Lao động thất nghiệp

Đến tháng 9 tháng năm 2020, gần 1,2 triệu người thất nghiệp trong độ tuổi lao động, tăng 132,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp chung cả nước 9 tháng năm 2020 là 2,27% (quý I là 2,02%; quý II là 2,51%; quý III là 2,29%), trong đó khu vực thành thị là 3,66%; khu vực nông thôn là 1,58%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi 9 tháng là 2,48% (quý I là 2,22%; quý II là 2,73%; quý III là 2,5%) cao gấp 1,4 lần so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực thành thị là 3,88%; khu vực nông thôn là 1,75%. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) 9 tháng năm 2020 ước tính là 7,07%, trong đó khu vực thành thị là 10,7%; khu vực nông thôn là 5,53%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I năm 2020 là 2,21%; quý II là 3,08%; quý III ước tính là 2,79%. Tính chung 9 tháng năm nay, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ước tính là 2,69%, trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 1,84%; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 3,12%.. Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III năm 2020 là 4,3%, cao hơn 1,94 điểm phần trăm so với Hà Nội (2,36%) .

Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị có tỉ lệ thất nghiệp là 4%, giảm 0,46 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,89 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Đây là tỉ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị cao nhất trong vòng 10 năm qua. Quý III năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên là 7,24%, tăng 0,26 điểm phần trăm so với quý trước, tăng 0,51 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; cao gấp 4,2 lần so với tỷ lệ thất nghiệp của dân số trưởng thành (những người từ 25 tuổi trở lên). Thanh niên khu vực thành thị có tỷ lệ thất nghiệp là 11,29%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,65 điểm phần

trăm so với cùng kỳ năm trước. Thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, nhóm thanh niên có tỉ lệ thất nghiệp khá cao tương ứng là 9,25% và 10,47%.

Có thể nói, đến tháng 9 năm 2020, lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 54,4 triệu người, giảm 1,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước và giảm chủ yếu ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên trong 9 tháng năm 2020 là 7,07%, tăng 0,45 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 10,7%, tăng 0,09 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi 9 tháng năm 2020 là 2,69%, tăng 1,15 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong đó thiếu việc làm ở khu vực nông thôn tăng 1,21 điểm phần trăm. Trong giai đoạn 2016-2019, trung bình mỗi năm lực lượng lao động 9 tháng đầu năm tăng 1,0%. Nếu lực lượng lao động 9 tháng năm 2020 duy trì tốc độ tăng như giai đoạn 2016-2019 và không có dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam sẽ có thêm 1,8 triệu lao động. Nói cách khác, dịch Covid-19 có thể đã tước đi cơ hội tham gia thị trường lao động của 1,8 triệu người.

CHƯƠNG 3

3. Giải pháp phát triển thị trường lao động sau đại dịch Covid 19

Theo dự báo, đại dịch Covid 19 mặc dù đã được khống chế ở Việt Nam nhưng vẫn còn diễn biến rất phức tạp trên toàn cầu và sẽ tiếp tục có những ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường lao động của Việt Nam. Tác động của đại dịch Covid 19 đã làm cho lao động gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tham gia thị trường lao động và đóng góp trong chuỗi sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Đến nay, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong thực hiện mục tiêu kép vừa chống dịch vừa khôi phục, phát triển kinh tế. Mặc dù tốc độ tăng GDP trong quý II năm 2020 thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, nhưng là mức tăng trưởng dương mà nhiều nước trên thế giới không đạt được. Đại dịch Covid 19 trên thế giới đang diễn biến phức tạp, với nhiều nguy cơ bùng nổ làn sóng dịch tại nhiều nước trên thế giới, ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình lao động, việc làm và thu nhập của người lao động. Biện

pháp giãn cách xã hội áp dụng trong tháng 3 và cách ly xã hội áp dụng trong tháng 3 và tháng 4 đang gây nên sự sụt giảm nghiêm trọng trong doanh thu. Các nhà máy phục vụ thị trường nội địa đang phải cắt giảm giờ làm việc của người lao động, đề nghị giảm mức lương hay tạm dừng mọi hoạt động sản xuất và cho người lao động nghỉ việc. Lao động và làm việc trong các doanh nghiệp xuất khẩu cũng đối mặt với sự sụt giảm nghiêm trọng về số giờ làm việc, tạm dừng hợp đồng, cắt giảm lương và sa thải. Để hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động phục hồi sản xuất góp phần cải thiện tình hình lao động việc làm, cần thực hiện một số giải pháp:

Một là, tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách phù hợp, nhất là về tài chính, tiền tệ, an sinh xã hội để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, người lao động, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua khó khăn của đại dịch Covid 19, nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện chính sách miễn, giảm một số nghĩa vụ thuế đối với một số lĩnh vực, tập trung vào phát triển mạnh thị trường trong nước, thực hiện các biện pháp phù hợp kích thích tiêu dùng nội địa. Tập trung vào các nghề mũi nhọn, tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp như cung cấp các gói tín dụng hỗ trợ Chính phủ, thực hiện các chế độ giảm, miễn và lùi đóng thuế đối với người dân và doanh nghiệp, cải cách hành chính, giảm bớt thủ tục hành chính.

Hai là, tập trung các biện pháp hạn chế tình trạng mất việc làm trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc phải giảm quy mô sản xuất, kinh doanh. Có chính sách hỗ trợ đối với các nhóm lao động yếu thế, gồm lao động nữ, lao động nghèo, lao động di cư, người khuyết tật và lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật chịu tổn thương từ đại dịch giúp họ ổn định cuộc sống và sớm vượt qua khó khăn.

Ba là, bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với xu thế mới. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho người lao động sớm quay

trở lại thị trường, bảo đảm đủ lực lượng lao động khi bước vào giai đoạn tăng cường sản xuất, kinh doanh sau dịch. Cần tiếp tục các biện pháp hỗ trợ thu nhập, tập trung kết nối việc làm và thúc đẩy tạo việc làm sau đại dịch đối với các lĩnh vực có tiềm năng phục hồi việc làm thông qua việc hỗ trợ tìm việc làm, cung cấp thông tin về thị trường lao động và trợ cấp tìm kiếm việc làm, đẩy mạnh kết nối lao động cung cầu trong nước và kết nối với thị trường ngoài nước. Tổ chức đào tạo, phát triển các kỹ năng theo yêu cầu của lao động bị thất nghiệp thuộc các nhóm dễ bị tổn thương, nhất là hỗ trợ về đào tạo nghề cho người lao động chuyển nghề do thay đổi hoặc mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid 19.

Bốn là, khẩn trương có giải pháp và triển khai thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận kênh thông tin về xuất, nhập khẩu nhằm tìm kiếm thị trường mới nhập khẩu nguyên, vật liệu đầu vào, tránh phụ thuộc vào một thị trường và thị trường mới để tiêu thụ sản phẩm đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế chia sẻ.

Năm là, doanh nghiệp và người lao động cần nắm bắt nhu cầu lao động của nền kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi phương thức sản xuất đáp ứng yêu cầu mới. Điều chỉnh hoạt động đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động cho các ngành có tiềm năng tăng trưởng khi nền kinh tế phục hồi hoặc tập trung vào các kỹ năng số, kỹ thuật tiên tiến và khởi nghiệp kinh doanh. Kích cầu việc làm trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng nhiều do Covid 19 như du lịch, thương mại, giao thông vận tải,...

KẾT LUẬN:

Khủng hoảng của đại dịch Covid 19 đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình hình kinh tế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Covid 19 đặt ra rất nhiều thách thức và những mối lo ngại về tình hình thị trường lao động việc làm trong nước. Việc xuất hiện dịch bệnh đã thay đổi hoàn toàn viễn cảnh và sự vận hành thông thường của cấu trúc sản xuất và thương mại toàn

cầu, ít nhất trong ngắn hạn. Các thị trường tiêu thụ lớn đình trệ dẫn tới đứt gãy tạm thời trong chuỗi cung ứng, xảy ra cả ở cấp độ địa phương, quốc gia, khu vực và toàn cầu. Tất cả những điều đó đều ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động, làm giảm mức sống, giảm mức thu nhập, hạn hẹp mức chi tiêu... giáng một đòn nặng nề đến nền kinh tế. Covid 19 chắc chắn sẽ còn ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến thị trường lao động trong thời gian tới, do vậy những biện pháp về đảm bảo ổn định thị trường lao động trong và sau đại dịch là vấn đề rất cấp thiết. Các chính sách và giải pháp cần thực hiện kịp thời, đúng thời điểm vì chính sách được thực hiện muộn vẫn là chính sách nhưng nó sẽ không còn tác dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Hà Nội – 2019, tr. 54,54,55
2. Sức lao động – Wikipedia Tiếng Việt
(https://vi.wikipedia.org/wiki/S%E1%BB%A9c_lao_%C4%91%E1%BB%99ng#:~:text=S%E1%BB%A9c%20lao%20%C4%91%E1%BB%99ng%20l%C3%A0%20m%E1%BB%99t,tr%E1%BB%8B%20th%E1%BA%B7ng%20d%C6%B0%20n%C3%A0o%20%C4%91%C3%B3)
3. Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác với thị trường sức lao động Việt Nam(<https://luatduonggia.vn/li-luan-ve-hang-hoa-suc-lao-dong-cua-c-mac-voi-thi-truong-suc-lao-dong-thi-truong-lao-dong-o-viet-nam-hien-nay/>)
4. Tổng cục thống kê, Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (<https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2019/12/Ket-qua-toan-bo-Tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-2019.pdf>)
5. Tổng cục thống kê, Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2019, Vụ thống kê dân số và lao động
(<https://www.gso.gov.vn/wpcontent/uploads/2021/03/Bao-cao-dieu-tra-lao-dong-viec-lam-2019-26-3-2021.pdf>)
6. Tổng cục thống kê, Báo cáo điều tra lao động việc làm quý I năm 2020 (https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/08/BC-LDVL-Quy-1.2020_finalf.pdf)
7. Tổng cục thống kê, Báo cáo điều tra lao động việc làm quý II năm 2020 (https://www.gso.gov.vn/wpcontent/uploads/2020/08/BCLDVL_Q2.2020_finalf.pdf)
8. Tổng cục thống kê, Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng năm 2020 (<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu->

[thong-ke/2020/10/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2020/](#))

9. Nguyễn Bích Lâm, Đại dịch COVID-19, hệ lụy và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp (<http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Dai-dich-COVID19-he-luy-va-giai-phap-ho-tro-doanh-nghiep/412612.vgp>)
10. Đức Tùng, Duy trì và phát triển thị trường lao động trong bối cảnh mới (<http://laodongxahoi.net/duy-tri-va-phat-trien-thi-truong-lao-dong-trong-boi-can-moi-1317030.html>)
11. Nguyễn Hoàng, Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình lao động, việc làm
<http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=400408>